kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **45 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 27/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L10.GK1.034

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tiền tố n trong ký hiệu đơn vị ứng với thừa số nào?

A. 10^{-6} **B.** 10^{-2} **C.** 10^{-9} **D.** 10^{9}

Câu 2. Vật rơi tự do được quãng đường $1,77$ m trong $0,6$ s. Gia tốc rơi tự do đo được bằng (làm tròn đến hàng phần trăm).

A. $4,92\,\text{m/s}^2$ **B.** $9,83\,\text{m/s}^2$ **C.** $2,95\,\text{m/s}^2$ **D.** $5,9\,\text{m/s}^2$

Câu 3. Trên đồ thị vận tốc – thời gian, diện tích phần giới hạn bởi đồ thị và trục hoành cho biết

A. gia tốc của vật.

B. quãng đường theo phương thẳng đứng.

C. vận tốc trung bình của vật.

D. độ dịch chuyển của vật.

Câu 4. Một vật chuyển động trên trục Ox: lúc $t_1 = 5$ s vật ở -22 m, lúc $t_2 = 11$ s vật ở 12 m. Độ dịch chuyển của vật bằng

A. -34 m **B.** 34 m **C.** -10 m **D.** 12 m

Câu 5. Thao tác nào sau đây vi phạm quy tắc an toàn?

A. Để dây dẫn vắt ngang lối đi giữa hai bàn.

B. Khu vực có chất dễ cháy, không mang nguồn lửa lại gần.

C. Cầm thân phích mà rút, không kéo dây.

D. Rót từ từ axit vào nước, không làm ngược lại.

Câu 6. Một cảm biến dịch chuyển có thể vừa **lệch điểm không** vừa **sai hệ số thang đo**: trong miền làm việc, số chỉ thị và chiều dài thật liên hệ với nhau bởi $r = aL + b$ ($a > 0$ a, b đều chưa biết). Kĩ thuật viên đo lặp ba lần mỗi đối tượng:

Dãy đo	Số chỉ thị (mm)
Chuẩn 0 (không tải): r_0	$-0,12$ $-0,1$ $-0,08$
Chuẩn chiều dài L_S: r_S	$53,3$ $53,3$ $53,34$
Chi tiết cần kiểm: r_X	$47,3$ $47,32$ $47,34$

Chuẩn chiều dài có $L_S = 49$ mm (sai số của chuẩn nhỏ hơn mức hiển thị, bỏ qua). Độ chia nhỏ nhất của cảm biến là $\delta = 0,02$ mm. **Quy ước lập khoảng chỉ thị.** Với mỗi dãy, lấy c là giá trị trung bình, Δ bằng **độ lệch tuyệt đối trung bình cộng nửa độ chia** khoảng chỉ thị là $[c - \Delta; c + \Delta]$. Ba khoảng của ba dãy coi là độc lập. **Quy ước báo cáo và nghiệm thu.** Hai cận của khoảng L_X được làm tròn **hướng ra ngoài** đến $0,01$ mm (cận dưới làm tròn xuống, cận trên làm tròn lên). Chi tiết chỉ được công nhận **đạt** khi **toàn bộ** khoảng ấy nằm trong dung sai $[43,4; 43,5]$ mm. Báo cáo nào đúng?

A. $L_X \in [43,45; 43,55]$ mm — **đạt** dung sai
B. $L_X \in [43,45; 43,55]$ mm — **không đạt** dung sai
C. $L_X \in [43,5; 43,51]$ mm — **không đạt** dung sai
D. $L_X \in [43,44; 43,54]$ mm — **không đạt** dung sai

Câu 7. Việc nào sau đây là phép đo trực tiếp?

A. Tính diện tích tấm bìa từ chiều dài và chiều rộng đã đo.
B. Tính tốc độ từ quãng đường và thời gian đã đo.
C. Đọc khối lượng vật trên cân điện tử.
D. Tính gia tốc từ độ dịch chuyển và thời gian đã đo.

Câu 8. Thiết bị bay chuyển động ngang đều theo chiều dương với tốc độ 9 m/s ở độ cao 80 m, rồi thả một gói hàng không đẩy; gói giữ vận tốc ngang ban đầu. Cùng lúc thả, xe mục tiêu ở mặt đất chạy cùng chiều với tốc độ không đổi 3 m/s. Gói và xe là chất điểm; bỏ lực cản, lấy $g = 10$ m/s^2. Để gói chạm đúng xe, lúc thả xe phải ở phía trước hình chiếu điểm thả bao nhiêu mét?

A. 36 m **B.** 48 m **C.** 24 m **D.** 12 m

Câu 9. Công thức cộng vận tốc được viết là

A. $\vec{v}_{13} = \vec{v}_{12} + \vec{v}_{23}$
B. $\vec{v}_{13} = \vec{v}_{12} \cdot \vec{v}_{23}$
C. $\vec{v}_{13} = \vec{v}_{12} - \vec{v}_{23}$
D. $v_{13} = v_{12} + v_{23}$ với mọi hướng của hai vận tốc

Câu 10. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Vận tốc trung bình luôn bằng tốc độ trung bình.
B. Tốc độ trung bình có thể âm khi vật đi ngược chiều dương.
C. Vận tốc của một vật là như nhau trong mọi hệ quy chiếu.
D. Vận tốc trung bình là đại lượng vectơ, bằng độ dịch chuyển chia cho thời gian.